

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HOÁ
Bản án số: 29/2019/HSST
Ngày 12/11/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Lê Thị Tâm

Hội thẩm nhân dân

Ông Lê Quang Tùng

Ông Lang Đức Huy

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa:

Ông: Vũ Văn Hùng

- Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2019/HSST ngày 11/10/2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST- HS ngày 29 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hà Văn T, sinh ngày: 26/8/2000;

Nơi ĐKKHKT: Thôn TL, xã T1, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Hà Văn Y; Con bà: Lương Thị H; bị cáo chưa có vợ con.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/5/2019 đến nay tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. (có mặt).

2. Họ và tên: Lê Đức H, sinh ngày: 17/7/1995.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T1, xã LS, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Con ông Lê Trọng C (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị H; chưa có vợ con. Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án:

Năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa tuyên phạt 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, tại bản án số 25/2017/HSST ngày 26/9/2017; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại Thôn T1, xã LS, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa (có mặt);

+ NGƯỜI BẢO CHỮA CHO BỊ CÁO HÀ VĂN T:

Ông Trịnh Đình Hợp -Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp số 6 – Thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hoá. (có mặt).

+ NHỮNG NGƯỜI BỊ HẠI:

1. Anh Nguyễn Xuân L, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn XT, xã TN, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Anh Hà Văn T, sinh năm: 1998

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã TN, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (có đơn xin xét xử vắng mặt);

3. Anh Vi Văn C, sinh năm: 1997

Địa chỉ: Thôn K, xã LK, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (có đơn xin xét xử vắng mặt);

+ NGƯỜI CÓ QUYỀN LỢI NGHĨA VỤ LIÊN QUAN

1. Cháu Lục Hải L, sinh năm: 2002

+ Người đại diện hợp pháp của cháu Lục Hải L là chị Vi Thị H, sinh năm: 1977 (mẹ đẻ của cháu Lục Hải L).

Cùng địa chỉ: Thôn TS, xã T1, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Trần Công H, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn MT2, xã XB, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (có đơn xin xét xử vắng mặt);

+ NGƯỜI LÀM CHỨNG

1. Anh Hà Văn Y, sinh năm: 1981(có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1955 (có mặt)

3. Anh Phạm ĐQ, sinh năm: 1992 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 24/4/2019, Hà Văn T, sinh năm 2000 đến quán cắt tóc của anh Nguyễn Xuân L ở thôn TT, xã T1, huyện Thường Xuân chơi, quan sát thấy 01 chiếc mô tô Biển kiểm soát 36K3.098.10 của anh L đang dựng ở trước quán, Hà Văn T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô để đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Hà Văn T hỏi và mượn anh L chiếc xe mô tô để đưa bà nội đi trạm xã lấy thuốc, anh L tin tưởng nên đã giao xe cho Hà Văn T. Lấy được xe, Hà Văn T điều khiển đến xã LT, huyện Thường Xuân chơi, đến khoảng 17h cùng ngày T đem chiếc mô tô đến nhà anh Trần Công H, sinh năm 1981 ở xã XB, huyện TX vay số tiền 10.000.000đồng và để lại chiếc xe làm tin, 07 ngày sau Hà Văn T tiếp tục đến vay anh H số tiền 5.500.000đồng, toàn bộ số tiền trên T tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi biết bị mất tài sản, anh L đã báo cáo Công an xã Tân Thành và Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Thường Xuân giải quyết. Tại Cơ quan điều tra, Hà

Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và khai nhận thêm 02 lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản khác, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 19 giờ 50 phút ngày 10/02/2019, Hà Văn T cùng Lê Đức H, sinh năm: 1995, ở thôn T1, xã LS, huyện Ngọc Lặc đang ở nhà Hà Văn T thì có anh Lê Văn C, sinh năm 1997, ở thôn K, xã LK, huyện Thường Xuân điều khiển chiếc mô tô biển kiểm soát 36M1- 079.19 và chở theo anh Lục Hải L, sinh năm 2002, ở thôn TS, xã Tân Thành đến nhà Tuấn chơi. Thấy C có xe nên Hà Văn T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô đem đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài. Hà Văn T hỏi mượn C chiếc xe mô tô để đi mua đồ về uống rượu. C đồng ý và đưa chìa khóa cho T mượn. Sau đó, T đưa chìa khóa xe cho Lê Đức H, bảo đi ra đường mòn Hồ Chí Minh đợi, còn Hà Văn T ở trong nhà tiếp tục hỏi mượn chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXY J4 màu trắng của anh Lục Hải L để tiện liên lạc, anh L đồng ý. Sau khi lấy được điện thoại, Hà Văn T điều khiển xe mô tô của mình đi ra đường mòn Hồ Chí Minh gặp Lê Đức H. Cả hai điều khiển xe đi hướng thị trấn LS, huyện Thọ Xuân, khi đến cay xăng Khe Hạ thuộc xã Luận Thành, huyện Thường Xuân, T nói với H đem chiếc xe mô tô vừa mượn của anh C đem đi cầm lấy tiền tiêu xài. Lê Đức H biết chiếc xe mô tô đó là xe vừa mượn của C nên đồng ý và nói "Giờ muốn cầm phải đi sang Ngọc Lặc". Hà Văn T gửi chiếc xe của mình đang đi vào nhà dân bên đường và cùng Lê Đức H đem chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 36M1-07919 của anh C đến nhà Phạm Đình Q, sinh năm 1992 ở thôn TL, xã KT, huyện Ngọc Lặc. Khi đến nơi, Lê Đức H đem xe biển kiểm soát 36M1-07919 vào cầm cho anh Q lấy số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) còn T đứng ngoài.

Đối với chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXY J4, T đã làm rơi khi đi trên đường. Toàn bộ số tiền trên cả hai đã chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ 2: Khoảng 20 giờ ngày 17/4/2019, Hà Văn T đang ở nhà thì có anh Hà Văn T, sinh năm 1998 ở xã TN, huyện Như Xuân điều khiển chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36D1-465.13 nhãn hiệu YAMAHA Exciter chở Vi Văn T, sinh năm 1995 cùng đến chơi. Do muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên Hà Văn T nảy sinh ý định mượn chiếc xe mô tô của anh T cầm lấy tiền tiêu xài. Hà Văn T hỏi và mượn xe của anh T để đi có việc, anh T đồng ý và giao xe. Sau khi lấy được xe, Hà Văn T điều khiển xuống thị trấn LS, huyện Thọ Xuân, trên đường đi T gọi điện thoại hỏi Trần Công H, sinh năm 1981 ở thôn MT1, xã XB, huyện Thọ Xuân nơi cầm cố xe, H chỉ dẫn đến quán Bi- A ở khu 3, thị trấn LS, huyện Thọ Xuân. Hà Văn T điều khiển xe mô tô đến quán có biển hiệu là "AKAY" ở khu 3, thị trấn LS, huyện Thọ Xuân gặp một người lạ mặt, không biết tên và địa chỉ cầm chiếc xe lấy số tiền 13.000.000đồng, số tiền trên T đã chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra, Hà Văn T và Lê Đức H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K3-09810 tại nhà Trần Công H ngày 03/5/2019; 01 xe mô tô Biển kiểm soát 36M1-

07919 tại nhà Phạm Đình Q ngày 16/5/2019. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36D1-465.13, sau khi vụ án được khởi tố thì có người thanh niên lạ mặt đưa chiếc xe mô tô sang nhà anh Hà Văn Y, sinh năm 1980 (bố đẻ của T) ở thôn TL, xã Tân Thành, huyện Thường Xuân, anh Yền đã giao nộp cho Công an ngày 14/7/2019.

Tại kết luận số 04/KL- ĐGTS ngày 04/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thường Xuân kết luận: 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K3- 09810 có giá trị 29.000.000đ (*hai mươi chín triệu đồng*).

Tại kết luận số 09/KL- ĐGTS ngày 04/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thường Xuân kết luận: 01 xe mô tô biển kiểm soát 36M1-07919 có giá trị 18.000.000đ (*mười tám triệu đồng*) và điện thoại SAMSUNG GALAXY J4, giá trị 1.800.000đ (*một triệu tám trăm nghìn đồng*); 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36D1-465.13 giá trị 34.000.000đ (*ba mươi tư triệu đồng*).

Đối với Phạm Đình Q cho Lê Đức H cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36M1-07919, anh Trần Công H cho Hà Văn T gửi lại chiếc xe biển kiểm soát 36K3-09810 làm tin để vay tiền. Quá trình điều tra xác định anh Q, anh H không biết 02 chiếc xe máy trên do T và H phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân không xử lý hình sự mà xử lý bằng biện pháp khác.

Đối với người lạ mặt ở quán Bi-A có biển hiệu là "AKAY" ở khu 3, thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân đã cho Hà Văn T cầm chiếc xe biển kiểm soát 36D1-465.13, quá trình điều tra chưa xác định được đối tượng, Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 Chiếc xe biển kiểm soát 36K3- 09810 đã trả lại cho anh Nguyễn Xuân L ngày 13/5/2019; 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36M1-07919 trả lại cho anh Vi Văn C ngày 20/6/2019; 01 chiếc xe YAMAHA biển kiểm soát 36D1-465.13 đã trả lại cho Hà Văn T ngày 26/7/2019. Anh L, anh C, anh T không yêu cầu gì thêm. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J4 màu trắng, Hà Văn T đánh rơi trên đường, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định truy tìm nhưng không thấy, anh Lục Hải L yêu cầu bị cáo T bồi thường 1.800.000 đồng. Đối với số tiền 15.500.000 đồng mà anh Trần Công H cho Hà Văn T vay, anh H yêu cầu Tuấn phải trả lại; đối với số tiền 4.500.000 đồng, Lê Đức H đã trả lại cho Phạm Đình Q, anh Q không yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 29/CT- VKSTX ngày 10/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân truy tố Hà Văn T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự; Lê Đức H về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Hà Văn T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"; Lê Đức H

phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS; xử phạt bị cáo Hà Văn T từ 39 (*ba mươi chín*) đến 42 (*bốn mươi hai*) tháng tù;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS; xử phạt bị cáo Lê Đức H từ 12 (*mười hai*) đến 15 (*mười lăm*) tháng tù.

**Về trách nhiệm dân sự:* Những người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Lục Hải L yêu cầu bị cáo Hà Văn T bồi thường tiền mất điện thoại. Anh Trần Công H yêu cầu bị cáo Hà Văn T trả lại số tiền 15.500.000 đồng. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 579; Điều 584; Điều 585; Điều 586 Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Hà Văn T phải trả cho cháu Lục Hải L số tiền 2.000.000đồng (trong đó: 1.800.000 đồng tiền giá trị chiếc điện thoại và 200.000đồng thẻ, sim); trả cho anh Trần Công H số tiền 15.500.000đồng.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, truy thu của bị cáo Hà Văn T số tiền 13.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội, "*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*", miễn toàn bộ án phí cho bị có T. Bị cáo Lê Đức H phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Hà Văn T và Lê Đức H không có việc làm, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

**Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn T có quan điểm bào chữa cho rằng:* Đồng ý với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, quá trình điều tra và tại phiên toà thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Người bị hại Vi Văn C xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS tuyên phạt bị cáo mức án phù hợp. Không áp dụng hình bổ sung đối với bị cáo T.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự bị cáo T phải trả lại cho cháu Lục Hải L số tiền 2.000.000đồng; trả cho anh Trần Công H 15.500.000đồng. Đề nghị miễn toàn bộ tiền án phí cho bị cáo Hà Văn T theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhận tội, không có tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan và toàn diện

các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thường Xuân, Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tiến hành đều hợp pháp.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Các ngày 10/02/2019, ngày 17/4/2019 và ngày 24/4/2019, Hà Văn T đã có hành vi gian dối lừa đảo chiếm đoạt 01 Chiếc xe biển kiểm soát 36M1-07919 của anh Vi Văn C giá trị 18.000.000 đồng; 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY J4 của Lục Hải L giá trị 1.800.000đ (*một triệu tám trăm nghìn đồng*); 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36D1-465.13 của anh Hà Văn T giá trị 34.000.000đ (*ba mươi tư triệu đồng*); 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K3- 09810 của anh Nguyễn Xuân L có giá trị 29.000.000đ (*hai mươi chín triệu đồng*). Tổng giá trị tài sản có giá trị 82.800.000 đồng. Ngày 10/02/2019 Lê Đức H đem chiếc xe biển kiểm soát 36M1-07919 của anh Vi Văn C giá trị 18.000.000 đồng do Hà Văn T lừa đảo chiếm đoạt đi cầm lấy 4.500.000đồng.

[2]. Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm để giáo dục và phòng ngừa chung.

[3]. Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại, bị cáo T đã dùng lời nói dối để nhằm chiếm đoạt tài sản, trong các ngày 10/02/2019, ngày 17/4/2019 và ngày 24/4/2019, bị cáo T đã lừa đảo 03 chiếc xe mô tô, 01 chiếc điện thoại của bạn đem đi vay tiền, cầm cố xe máy lấy tiền tiêu xài cá nhân. Giá trị tài sản theo kết luận số 04/KL - ĐGTS ngày 04/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thường Xuân kết luận: 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K3- 09810 có giá trị 29.000.000đ (*hai mươi chín triệu đồng*). Giá

trị tài sản theo kết luận số 09/KL - ĐGTS ngày 04/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thường Xuân kết luận: 01 xe mô tô biển kiểm soát 36M1-07919 có giá trị 18.000.000đ (*mười tám triệu đồng*) và điện thoại SAMSUNG GALAXY J4, giá trị 1.800.000đ (*một triệu tám trăm nghìn đồng*); 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36D1-465.13 giá trị 34.000.000đ (*ba mươi tư triệu đồng*), tổng giá trị tài sản có giá trị 82.800.000 đồng. Mặc dù bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười nhác lao động, muốn kiếm tiền bằng con đường bất chính đã thực hiện hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản, giá trị tài sản là 82.800.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt, đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Với Lê Đức H, tuy biết rõ chiếc xe là tài sản do Hà Văn T lừa đảo mà có nhưng do háms lợi muốn kiếm tiền tiêu xài cá nhân đã đem đi tiêu thụ nên Lê Đức H phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân truy tố bị cáo Hà Văn T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", bị cáo Lê Đức H về tội "*tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" là chính xác.

[4]. Xét về nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Hà Văn T chưa có tiền án tiền sự; Trong vụ án này bị cáo T đã 3 lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản độc lập nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Phạm tội 02 lần trở lên*" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Lê Đức H là đối tượng có nhân thân xấu, có 01 tiền án: Ngày 26/9/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân xử phạt 06 tháng tù, cho hưởng án treo, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt cải tạo tại địa phương nhưng chưa được xóa án tích, không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, thể hiện sự coi thường pháp luật. Phạm tội lần này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là "*tái phạm*", theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo; những người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, nên xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51, người bị hại anh Lê Văn C xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hà Văn T, bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho Phạm Đình Q số tiền 4.500.000đồng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Xét tính chất vụ án; hành vi phạm tội và nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết. Áp dụng Điều 329 Bộ Luật tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo T để đảm bảo thi hành án. Thời hạn tạm

giám của bị cáo T được trừ vào thời gian chấp hành án. Bị cáo Lê Đức H thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt giam thi hành án.

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo Hà Văn T và Lê Đức H không có việc làm ổn định, không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7]. *Về trách nhiệm dân sự:*

Những người bị hại không có yêu cầu nên không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Lục Hải L và người đại diện hợp pháp của Lục Hải L chị Vi Thị H yêu cầu bị cáo Hà Văn T bồi thường số tiền 2.000.000 đồng (trong đó: 1.800.000 đồng giá trị chiếc điện thoại và 200.000 đồng giá trị thẻ, sim).

- Anh Trần Công H yêu cầu bị cáo Hà Văn T trả lại số tiền 15.500.000 đồng mà T đã vay của anh H. Tại phiên Tòa bị cáo T chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh cháu L, người đại diện hợp pháp của cháu L và anh H nên buộc bị cáo T có nghĩa vụ hoàn trả cho cháu L và anh H tổng số tiền 17.500.000 đồng.

Truy thu của bị cáo Hà Văn T số tiền 13.000.000 đồng khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

[8]. *Về án phí:*

Bị cáo Hà Văn T thuộc diện là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, quá trình giải quyết vụ án bị cáo T có đơn xin miễn nộp toàn bộ tiền án phí sơ thẩm. Hội đồng xét xử xem xét miễn nộp toàn bộ tiền án phí sơ thẩm cho bị cáo T. Bị cáo Lê Đức H phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Hà Văn T phù hợp, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 bộ luật Tố tụng hình sự đối với Hà Văn T.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Bộ luật hình sự đối với Lê Đức H

Tuyên bố: Hà Văn T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"; Lê Đức H phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

Xử phạt:

Hà Văn T 40 (*bốn mươi*) tháng tù. Thời gian chấp hành án tính từ ngày 04/5/2019, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo Thi hành án.

Lê Đức H 13 (*mười ba*) tháng tù, thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hà Văn T và Lê Đức H.

**Về trách nhiệm dân sự:* Những người bị hại không có yêu cầu nên miễn xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cháu Lục Hải L và anh Trần Công H.

Căn cứ Điều 579; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Hà Văn T phải trả cho cháu Lục Hải L số tiền 2.000.000 đồng (trong đó: 1.800.000 đồng và 200.000 đồng thẻ, sim) và trả cho anh Lê Công H số tiền 15.500.000đồng.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Truy thu của bị cáo Hà Văn T số tiền 13.000.000đ (*mười ba triệu đồng*) để nộp ngân sách nhà nước.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, cháu Lục Hải L, anh Trần Văn H có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo T chưa thanh toán số tiền cho cháu L và anh H thì bị cáo T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh được quy định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

** Về án phí:* Áp dụng Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội, “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Bị cáo Hà Văn T được miễn 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự và 865.000đ (*tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng; khoản 1 Điều 21; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Buộc bị cáo Lê Đức H phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí HSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Lục Hải L, người đại diện hợp pháp của cháu Lục Hải L chị Vi Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/11/2019); Những người bị hại, Người được quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thường Xuân;
- Công an huyện Thường Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi liên quan;
- Lưu HSVA.

Lê Thị Tâm